TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/DS-PT
Ngày: 15 - 7 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân
Các Thẩm phán: Ông Trịnh Văn Hùng
Ông Huỳnh Châu Thạch

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2019/DS-ST ngày 15/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2019/QĐ-PT ngày 04/6/2019; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số: 541/TB-PT ngày 14/6/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2019/QĐ-HPT ngày 24/6/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2019/QĐ-HPT ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đinh Thị Thùy L, sinh năm: 1982.
Địa chỉ: Số x LS, phường LS, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Văn B, sinh năm: 1975.
Địa chỉ: Số x TQT, phường B' L, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.
(Văn bản ủy quyền ngày 27/6/2018).
- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm: 1966.
Địa chỉ: Số x MTB, phường LPh, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.
- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị Kim Th – Bị đơn.
(Ông B có mặt; bà L vắng mặt; bà Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2018 và lời trình bày của nguyên đơn bà Đinh Thị Thùy L cũng như ông Vũ Văn B là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì:

Do có quan hệ quen biết nhau từ trước nên trong năm 2018 bà L có cho bà Th vay 2 lần tổng số tiền là 760.000.000 đồng; cụ thể:

Lần thứ nhất: Cho vay 500.000.000 đồng vào ngày 05/01/2018, hẹn trả vào ngày 06/01/2018 nhưng bà Th tự ghi ngày vay là ngày 05/02/2018 và hẹn trả vào ngày 06/02/2018.

Lần thứ hai: Cho vay 260.000.000 đồng vào ngày 07/01/2018, hẹn trả vào ngày 09/01/2018, nhưng trong giấy vay tiền bà Th tự ghi ngày vay là ngày 07/02/2018 và hẹn trả vào ngày 09/02/2018.

Mục đích bà Th vay tiền là để đáo hạn ngân hàng. Việc vay mượn tiền được làm thành văn bản, "Giấy nhận tiền" do bà Th tự viết và ký tên, bản chính bà L đã giao nộp cho Tòa án. Khi đến hạn trả nợ, mặc dù bà L đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà Th không chịu trả nợ cho bà L.

Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th có trách nhiệm trả cho bà L số tiền vay gốc là 760.000.000 đồng, bà L không yêu cầu tính lãi.

Theo lời trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th thì:

Bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 760.000.000 đồng. Tuy nhiên, số nợ này đã được các bên thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ qua cho vợ chồng ông Phạm Quang H và bà Trần Thị H (hiện tại đã bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ).

Ngày 01/6/2018, vợ chồng ông H và bà H đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 226, tờ bản đồ 16, phường LPh, thành phố BL cho vợ chồng bà Đinh Thị Thùy L và ông Nguyễn Thái S để cấn trừ nợ. Hợp đồng chuyển nhượng được Văn phòng công chứng ĐXTh, địa chỉ: thôn x, xã LTh, huyện B, tỉnh Lâm Đồng công chứng ngày 01/6/2018, số công chứng 2230, quyển số 04/2018/TP/CC- SCC/HĐGD. Về tài liệu để chứng minh việc cấn trừ nợ này thì bị đơn không có để giao nộp cho Tòa, bị đơn chỉ nghe bà H nói qua điện thoại.

Do đó, bị đơn không đồng ý với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 760.000.000 đồng.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 06/2019/DS-ST ngày 15/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BL. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Thùy L về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim Th có trách nhiệm trả cho bà Đinh Thị Thùy L số tiền 760.000.000đồng (Bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 27/3/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th có đơn kháng cáo không đồng ý trả nợ cho bà Đinh Thị Thùy L số tiền 760.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình.

Ông Vũ Văn B là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận định: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như của đương sự là đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, người kháng cáo là bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình. Nguyên đơn bà Đinh Thị Thùy L vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông Vũ Văn B là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa.

Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Do bà L có cho bị đơn bà Th vay 02 lần tiền tổng cộng là 760.000.000 đồng, đến hạn trả nợ nhưng bị đơn không trả nên các bên phát sinh tranh chấp.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Th thì thấy rằng:

Căn cứ vào giấy nhận tiền đề ngày 05/01/2018 (Bút lục số 19) thể hiện bị đơn bà Th có vay của nguyên đơn bà L số tiền 500.000.000 đồng, hẹn đến ngày 06/02/2018 thanh toán và ngày 07/02/2018 vay thêm số tiền 260.000.000 đồng, hẹn đến ngày 09/02/2018 thanh toán là có trên thực tế.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng thừa nhận có vay của nguyên đơn tổng số tiền 760.000.000 đồng (ngày 05/01/2018 vay 500.000.000 đồng và ngày 07/02/2018 vay thêm 260.000.000 đồng). Tuy nhiên, theo bà Th thì các

bên đã thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ số tiền 760.000.000 đồng trên qua cho vợ chồng ông Phạm Quang H, bà Trần Thị H nên ngày 01/6/2018 vợ chồng ông Hiển, bà H đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 226, tờ bản đồ 16, phường Lộc Phát, thành phố BL cho vợ chồng bà Đinh Thị Thùy L, ông Nguyễn Thái S để cấn trừ nợ nhưng bị đơn bà Th lại không có chứng cứ chứng minh có việc các bên thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ này.

Hơn nữa, theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì:

"*1.Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ.*

2. Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ".

Theo quy định trên thì việc chuyển giao nghĩa vụ cho người thứ 3 thì phải được sự đồng ý của bên có quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, Ông B là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn cũng không thừa nhận việc chuyển giao nghĩa vụ giữa 03 bên và cũng cho rằng không có văn bản nào thể hiện bà L đồng ý việc 03 bên bà L, bà Th và vợ chồng ông Phạm Quang H, bà Trần Thị H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị Kim Th có trách nhiệm trả cho bà Đinh Thị Thùy L số tiền 760.000.000 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo bà Thúy phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; bị đơn còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Thùy L về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim Th có trách nhiệm trả cho bà Đinh Thị Thùy L số tiền 760.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

"Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự".

2. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim Th phải chịu số tiền 34.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Đinh Thị Thùy L số tiền 17.200.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0002488 ngày 17/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BL.

3. Về án phí phúc thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005328 ngày 10/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BL.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND Tp. BL;
- CCTHADS Tp. BL;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Hữu Nhân